

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 24 - 01- 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiểm.

2. Ông Trần Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh B, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Hoàng Minh B trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên ông Nguyễn Văn T thường xuyên vay tiền của ông, kể từ ngày 13/01/2021 đến ngày 19/09/2023 ông T đã vay của ông tổng số tiền gốc là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), khi vay ông và ông T thoả thuận lãi suất là 3%/tháng, tuy nhiên hai bên không viết vào giấy vay tiền mà chỉ thoả thuận bằng lời nói với nhau. Trong các tờ giấy vay ông nộp cho Toà án, có tờ ông T tự viết và ký là ngày 5/7/2021 vay 4.000.000 đồng; ngày 21/8/2021 vay 3.000.000 đồng; ngày 14/01/2022 vay 3.000.000 đồng, có tờ ông viết ông T ký ngày 13/01/2021 vay 4.000.000 đồng; ngày 01/02/2021 vay 2.000.000 đồng; ngày 6/8/2021 vay 2.000.000 đồng; ngày 17/02/2022 vay 2.000.000 đồng; ngày 18/3/2022 vay 5.000.000 đồng; ngày 22/7/2022 vay 5.000.000 đồng; ngày 19/9/2023 vay 12.600.000 đồng.

Kể từ ngày vay tiền đến nay ông T chưa trả được ông đồng nào tiền gốc và tiền lãi của các khoản vay, lý do cho ông T vay nhiều lần là giữa gia đình ông và ông T có quan hệ họ hàng với nhau, ông T là anh họ vợ ông nên ông tin tưởng cho ông T vay tiền nhiều lần. Khi ông đòi tiền thì ông T không thừa nhận còn nợ ông tiền mà xác định có vay ông 19.000.000 đồng, nhưng đã trả, ông T xác định không được viết và không được ký vào giấy tờ vay nợ, không thừa nhận vay của ông số tiền 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng) nên ông đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết. Ông xác định đây là tiền cá nhân cho ông T vay, không liên quan đến vợ con, ông T vay tiền về để chi tiêu cá nhân, cũng chỉ có ông T ký giấy vay tiền không có liên quan đến ai khác, vợ ông T đã ly thân không ở cùng với ông T từ trước năm 2005 do vậy khoản tiền ông T vay thì yêu cầu ông T phải trả.

Số lãi khi làm đơn khởi kiện ông tính là 3%/tháng, cụ thể từng khoản tiền lãi như sau: Ngày 13/01/2021 ông T vay 4.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 120.000 đồng/tháng tính đến ngày 13/7/2024 là 42 tháng x 120.000 đồng/tháng = 5.040.000 đồng. Ngày 01/02/2021 ông T vay 2.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 60.000 đồng/tháng tính đến ngày 01/8/2024 là 42 tháng x 60.000 đồng/tháng = 2.520.000 đồng. Ngày 05/7/2021 ông T vay 4.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 120.000 đồng/tháng tính đến ngày 05/8/2024 là 37 tháng x 120.000 đồng/tháng = 4.440.000 đồng. Ngày 06/8/2021 ông T vay 2.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 60.000 đồng/tháng tính đến ngày 06/8/2024 là 36 tháng x 60.000 đồng/tháng = 2.160.000 đồng. Ngày 21/8/2021 ông T vay 3.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 90.000 đồng/tháng tính đến ngày 21/7/2024 là 35 tháng x 90.000 đồng/tháng = 3.150.000 đồng. Ngày 14/01/2022 ông T vay 3.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 90.000 đồng/tháng tính đến ngày 14/7/2024 là 30 tháng x 90.000 đồng/tháng = 2.700.000 đồng. Ngày 17/02/2022 ông T vay 2.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 60.000 đồng/tháng tính đến ngày 17/7/2024 là 29 tháng x 60.000 đồng/tháng = 1.740.000 đồng. Ngày 18/3/2022 ông T vay 5.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 150.000 đồng/tháng tính đến ngày 18/7/2024 là 28 tháng x 150.000 đồng/tháng = 4.200.000 đồng. Ngày 22/7/2022 ông T vay 5.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 150.000 đồng/tháng tính đến ngày 22/7/2024 là 24 tháng x 150.000 đồng/tháng = 3.600.000 đồng. Ngày 19/9/2023 ông T vay 12.600.000 đồng, lãi suất 3%/tháng là 378.000 đồng/tháng tính đến ngày 19/7/2024 là 10 tháng x 378.000 đồng/tháng = 3.780.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi của các khoản vay là: 33.330.000 đồng, tuy nhiên ông chỉ yêu cầu ông T phải trả 25.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 67.600.000 đồng (Sáu bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng), yêu cầu ông T phải trả lãi tiếp theo kể từ 6/8/2024 đến khi ông T trả xong khoản tiền gốc vay. Tại phiên toà ông không yêu cầu ông T phải trả lãi khoản tiền vay mà chỉ yêu cầu ông T trả số tiền gốc vay.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 28/10/2024 và các lời khai tiếp theo tại Toà án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và ông Hoàng Minh B có quan hệ họ hàng, do nhu cầu phục vụ sinh hoạt ông có vay của ông Bạch T1 nhiều lần, tổng số tiền vay là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), khi vay ông đều ký nhận nợ, ông và ông B có thoả thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng không viết vào giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả, tuy nhiên ông xác định số tiền vay ông B thì ông đã trả xong, nay ông không còn nợ tiền ông B nữa, ông không có giấy tờ chứng minh đã trả ông Bạch T1 vay vì sau khi trả tiền giấy tờ ông B vẫn quản lý, ông không có tài liệu nào cung cấp cho Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã được Toà án cho xem giấy tờ vay tiền mà ông B cung cấp, ông xác định chữ ký (T) và chữ viết Nguyễn Văn T trong các giấy tờ biên nhận vay không phải chữ ký và chữ viết của ông mà đó là chữ viết và chữ ký của ông B tự viết và ký: Tờ giấy biên nhận vay tiền ngày 13/01/2021 ông xác định không được vay 4.000.000 đồng chữ ký Nguyễn Văn T không phải là của ông; ngày 01/02/2021 ông vay 2.000.000 đồng tuy nhiên chữ ký (Nguyễn T) không phải của ông, số tiền này ông đã trả; ngày 5/7/2021 ông không được vay 4.000.000 đồng, chữ ký Nguyễn v T2 không phải chữ ký của ông; ngày 6/8/2021 ông không được vay 2.000.000 đồng, chữ ký người vay (nguyễn Tý) không phải của ông; ngày 21/8/2021 ông không được vay 3.000.000 đồng, chữ ký người vay (nguyễn văn tý) không phải của ông, ngày 14/01/2022 ông không được vay 3.000.000 đồng, chữ ký người vay (nguyễn văn tý) không phải của ông; ngày 17/02/2022 ông được vay 2.000.000 đồng, chữ ký người vay (nguyễn T2) không phải là của ông, số tiền này ông đã trả; ngày 18/03/2022 ông được vay 5.000.000 đồng, chữ ký người vay (nguyễn văn T) không phải của ông, số tiền trên ông đã trả; ngày 22/7/2022 ông được vay số tiền 5.000.000 đồng, chữ ký người vay (Nguyễn V T2) không phải của ông, số tiền này ông đã trả; ngày 19/9/2023 ông không được vay 12.600.000 đồng, chữ ký người vay (Nguyễn văn T) không phải của ông.

Do ông đã trả hết tiền ông vay ông Hoàng Minh B nên ông B yêu cầu ông phải trả tiền gốc vay là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi là 25.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 67.600.000 đồng (Sáu bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) thì ông không nhất trí. Tại phiên Toà ông B không yêu cầu ông phải trả lãi khoản tiền vay, ông không có ý kiến gì.

Ngày 07/12/2024 Toà án đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 07/2024/QĐ-TCGD đề nghị Phòng K Công an tỉnh B giám định chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Văn T trên 05 tờ giấy vay tiền do ông Hoàng Minh B cung cấp với mẫu chữ viết chữ ký của ông Hoàng Văn T3 do Toà án thu thập. Tại kết luận giám định số: 2811/KL-KTHS ngày 26/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết từ dòng thứ 01 đến dòng thứ 7 (tính từ trên xuống dưới) và chữ ký

dạng chữ viết có nội dung “Người vay-Nguyễn V T2-Người thay-T2-Nguyễn Văn T” tại các dòng thứ 11, 12, 17, 18, 19 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 5 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2); chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 6 và chữ viết có nội dung “Nguyễn T-Nguyễn Văn T” tại các dòng thứ 9, 14 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3); chữ viết có nội dung “Nguyễn V T2-Đ-N” tại các dòng thứ 7, 8, 13 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4); chữ viết có nội dung “Người vay-Nguyễn Tý” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra.

Tại phiên toà ông Hoàng Minh B vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền gốc vay là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải trả tiền lãi. Ông Nguyễn Văn T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B vì ông xác định ông chỉ vay ông B số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), tuy nhiên ông đã thanh toán trả nợ xong từ cuối năm 2021.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn ông Hoàng Minh B và bị đơn ông Nguyễn Văn T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh B về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản:

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Hoàng Minh B số tiền gốc vay là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu của ông Hoàng Minh B với ông Nguyễn Văn T về yêu cầu giải quyết lãi suất vay.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng (Ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng))

- Đương sự được miễn tiền án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Hoàng Minh B và bị đơn ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Hoàng Minh B yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả ông số tiền gốc vay gồm: Ngày 13/01/2021 ông T vay số tiền 4.000.000 đồng; ngày 01/02/2021 ông T vay số tiền 2.000.000 đồng; ngày 5/7/2021 ông T vay số tiền 4.000.000 đồng; ngày 21/8/2021 ông T vay số tiền 3.000.000 đồng; ngày 14/01/2022 ông T vay số tiền 3.000.000 đồng; ngày 17/02/2022 ông T vay số tiền 2.000.000 đồng; ngày 18/3/2022 ông T vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 22/7/2022 ông T vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 6/8/2021 ông T vay số tiền 2.000.000 đồng; ngày 19/9/2023 ông T vay số tiền 12.600.000 đồng, khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất nhưng không ghi trong biên nhận vay tiền, không ghi thời hạn trả, xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh B, Hội đồng xét xử thấy:

Từ ngày 13/01/2021 đến ngày 19/09/2023 ông Nguyễn Văn T đã thực hiện 10 lần vay tiền của ông Hoàng Minh B, thể hiện viết và ký nhận trên 05 tờ giấy vay tiền, tổng số tiền vay là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong giấy vay tiền không có thời hạn trả và thể hiện lãi suất, tuy nhiên ông B và ông T đều xác nhận khi vay hai bên thoả thuận lãi suất bằng lời nói là 3%/tháng. Việc vay tiền được viết tay có bản là chữ viết, chữ ký của người vay và người cho vay, có bản là chữ viết, chữ ký của người cho vay và chữ ký của người vay. Tại phiên toà ông B yêu cầu ông T phải trả ông số tiền gốc vay là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu ông T phải trả lãi suất vay.

Ông T thừa nhận có vay tiền của ông B vài lần và có ký nhận số tiền vay là 19.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này ông đã trả ngay cho ông B sau khi vay, đến cuối năm 2021 thì ông không còn nợ tiền ông B. Ông không có giấy tờ thể hiện đã trả tiền vay ông B, các giấy tờ vay tiền ông B suất trình không phải là chữ viết, chữ ký của ông. Do vậy ông B yêu cầu ông phải trả số tiền gốc vay là 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất thì ông không nhất trí.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Toà án thu thập, lời khai trình bày của ông Hoàng Minh B, ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, xác định như sau: Nguyên, đơn và bị đơn đều xác nhận có việc vay tiền là tự nguyện, không bị ép buộc, khi ký kết giấy vay tiền ông B và ông T đều có đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự. Bị đơn không thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vay 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng), tuy nhiên không đưa ra được căn cứ đã trả khoản tiền vay. Nguyên đơn xác định khi vay số

tiền trên thì có giấy biên nhận bị đơn tự viết và ký nhận, có giấy biên nhận nguyên đơn viết bị đơn ký, nguyên đơn xuất trình giấy tờ gốc của khoản tiền vay. Mặt khác căn cứ kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh B kết luận các chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Văn T trên giấy biên nhận vay nợ là do ông T viết và ký nhận.

Do vậy xác định kể từ ngày 13/01/2021 đến ngày 19/09/2023 ông T đã thực hiện 10 lần vay tiền của ông B, không có thời hạn trả, đến tháng 06/2024 ông B yêu cầu ông T trả nợ tiền vay, ông T xác định thanh toán xong nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ông B, cần buộc ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông B số tiền gốc vay là 42.600.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên toà ông Hoàng Minh B không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả tiền lãi kể từ ngày vay đến khi kết thúc vụ án. Căn cứ vào Điều 217, Điều 218 và khoản 1 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu trả lãi của ông B.

[4] Về chi phí giám định: Đối với số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng ông Hoàng Minh B đã nộp đủ, tại kết luận giám định xác định chữ viết, chữ ký trong 05 biên nhận vay tiền đúng là chữ viết chữ ký của ông Nguyễn Văn T, do vậy ông T phải chịu toàn bộ chi phí giám định trên, buộc ông T phải trả ông B số tiền 3.240.000 đồng (Ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) là phù hợp theo khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh B được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, do vậy cần miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông T.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh B, buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay 42.600.000 đồng (Bốn hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Hoàng Minh B đối với ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền chi phí giám định là 3.240.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) cho ông Hoàng Minh B.

[3] Án phí: Miễn tiền án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên